

# MỐI QUAN HỆ GIỮA CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT VỚI CẤU TRÚC TIN TRONG CÂU ĐƠN TIẾNG VIỆT

## RELATIONSHIP BETWEEN THE STRUCTURE OF TOPIC - THEORY AND INFORMATION STRUCTURE IN VIETNAMESE SIMPLE SENTENCE

LÊ THỊ BÌNH

(Ths; Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa)

**Abstract:** The structure of topic-theory is the structure of verbalized sentence when putting into text. The information structure is the message structure which contains the information content that the listener may know or not. The elements of the structure of topic-theory and information can be organized equivalent or not.

**Key words:** The structure of topic-theory ; The information structure; simple sentence; Vietnamese.

### 1. Đặt vấn đề

Nếu cấu trúc đề - thuyết là cấu trúc của sự tổ chức câu - phát ngôn khi đưa vào văn bản bằng việc lựa chọn yếu tố làm xuất phát điểm cho câu nói thì cấu trúc tin là cấu trúc của sự thông báo, ở đó chứa phần nội dung thông tin người nghe đã biết và phần thông tin người nghe chưa biết. Nếu cấu trúc đề-thuyết thuần túy chỉ là sự tổ chức tuyến tính của câu với trật tự đề-thuyết thì cấu trúc thông tin phong phú với nhiều hiện dạng trong tổ chức hai phần “cho sẵn”-“mới”. Cùng một phát ngôn, cùng một cấu trúc đề - thuyết, có thể có những kiểu dạng cấu trúc tin khác nhau bởi việc xác lập phần tin đã biết (phần “cho sẵn”) và phần tin chưa biết (phần “mới”) hoàn toàn lệ thuộc vào ngữ cảnh, vào mục đích thông báo của người phát ngôn hay diễn trình của ngôn bản. Bởi vậy, việc tìm hiểu mối quan hệ giữa cấu trúc tin và cấu trúc đề - thuyết của câu là cần thiết.

Cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc tin đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Vận dụng những kết quả nghiên cứu của Việt ngữ học

vào phân tích ngữ liệu, chúng tôi thấy cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc tin trong câu đơn tiếng Việt được hiện thực hóa dưới nhiều dạng kiểu khác nhau. Từ đó, mối quan hệ giữa hai loại cấu trúc này cũng thể hiện đa dạng, phong phú.

### 2. Mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết với cấu trúc tin trong câu đơn tiếng Việt

#### 2.1. Phần đề trùng với phần “cho sẵn”, phần thuyết trùng với phần “mới”

Xét về cấu trúc tin, đây là kiểu tổ chức gồm đủ hai phần được tổ chức theo trật tự: phần “cho sẵn” đứng trước phần “mới”. Ở trường hợp này, mối quan hệ giữa cấu trúc đề-thuyết và cấu trúc tin thể hiện ở sự tương ứng giữa các thành tố. Cụ thể, phần đề của cấu trúc đề-thuyết biểu hiện nội dung đã cho sẵn (thông tin cũ) còn phần thuyết biểu thị thông tin mới, chưa được nói đến và trở thành phần “mới” trong cấu trúc tin. Ví dụ:

(1) [*Mụ Lợi tưởng thầy lang bốn mụ, nhìn trộm thầy một cái rồi ngoảnh mặt đi.*] *Mụ // then.* [1, tr. 338] \*

(2) [*Cái nhà lá hiện không có người thuê.* (còn 18 trang)] *Cái nhà lá, // một hôm có người đến hỏi thuê.* [2, tr. 219]

(3) [*Trong buồng im phăng phắc... Người đi đường vẫn dần.*] *Sự tĩnh mịch của đêm khuya // ru người ta vào cõi mộng.* [5, tr. 127]

Ở các ví dụ trên, các từ ngữ “mụ”, “cái nhà lá”, “sự tĩnh mịch của đêm khuya” giữ chức năng phần đề của CT Đ-T. Xét trong tình huống giao tiếp, trong ngữ cảnh, với dấu hiệu chỉ dẫn (lập từ), hay sự liên tưởng từ các câu đi trước, cho thấy chính những từ ngữ ấy giữ chức năng làm phần “cho sẵn” trong CTT. Những từ ngữ còn lại là phần thuyết của CT Đ-T, cũng chính là phần “mới” của CTT.

Qua ngữ liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy, đa số ngữ liệu là kiểu câu tồn tại định vị có mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin được thể hiện theo dạng này. Bởi vậy, có thể nói: một kết cấu đặc biệt (phần “vị tố + bổ ngữ” của dạng câu không chủ ngữ) sẽ như dấu hiệu của một giá trị thông tin. Ví dụ:

(4) [*Tôi đưa Thanh về nhà và thấy vợ tôi đang co ro đứng ngóng trên thềm cửa.*] *Trong tay vợ tôi // lấp loáng cái đèn pin.* [4, tr. 54]

(5) [*Nhưng tâm anh đã róm máu bị thương; lòng anh bây giờ không như trước nữa.*] *Bây giờ trong lòng anh // đây những sự chua chát và chán nản.* [7, tr. 25]

Trật tự tổ chức câu Đề - Thuyết, Cho sẵn – Mới với phần đề (của CT Đ-T) trùng với phần “cho sẵn” (của CTT), phần thuyết (của CT Đ-T) trùng với phần “mới” (của CTT) vẫn là kiểu tổ chức phổ biến, thuận tiện cho việc diễn đạt và nhận thức.

## 2.2. Phần đề trùng với phần “mới”, phần thuyết trùng với phần “cho sẵn”

Trái với trường hợp trên, đây là kiểu cấu trúc tin có phần “mới” đứng ở đầu phát ngôn, trước phần “cho sẵn” trong một dạng cấu trúc cũng gồm hai phần nội dung thông

tin. Các phát ngôn này có cấu trúc đề - thuyết nghịch hướng với cấu trúc tin: đề đóng vai trò làm phần “mới” và thuyết đóng vai trò phần “cho sẵn” của cấu trúc tin. Hay nói cách khác, đề biểu thị thông tin “mới” còn thuyết biểu thị thông tin đã được nói đến ở những câu trước. Ví dụ:

(6) [*Đang sốt ruột mãi chưa được báo thì Tư và Tâm lên. Hai cậu mang theo một con vịt, măng khô, một nắm thư, sách báo mới và tin tức.*] *Quý nhất // là tin tức.* [2, tr. 404]

Ở ví dụ (6), dấu hiệu nhận diện phần “mới”, phần “cho sẵn” là nội dung câu trước. “Tin tức” là nội dung đã được đề cập đến trong tiền văn. “Quý nhất” là phần “mới”, là nội dung thông tin cung cấp tới người đọc. Phần “mới” đứng trước phần “cho sẵn” nhằm mục đích nhấn mạnh thông tin cần truyền đạt.

(7) [*Ông Học chẳng ngày nào không cọ rửa sân nhà... nhưng chẳng bao giờ nghĩ đến sự cọ rửa và gội nước cho hai đứa con lớn của ông.*] *Chính cái thân ông, // ông cũng chẳng sẵn sóc gì nhiều.* [2, tr. 207]

Ở ví dụ (7), dấu hiệu nhận diện phần “mới” là tiểu từ “chính”. Trật tự sắp xếp cùng sự trợ giúp của từ “chính” đã làm nổi bật thông tin người viết muốn truyền đạt đến người đọc. Thông tin “ông cũng chẳng chăm sóc gì nhiều” được cho là đã biết bởi sự liên tưởng do nội dung câu trước khơi gợi.

(8) [*Cha Dung chẳng làm gì cả.*] *Từ xưa đến nay // vẫn thế.* [7, tr. 48]

Ở ví dụ (8), cùng với ngữ cảnh, phép thế đại từ giúp ta xác định “vẫn thế” là phần biểu thị thông tin đã biết. Điều đó cho thấy, “từ xưa đến nay” chính là nội dung thông tin cần truyền đạt. Phần “mới” được đưa lên trước phần “cho sẵn” càng khiến cho giá trị thông tin được nâng cao.

(9) [*Nhưng khi Từ ốm đau chẳng hạn, Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ.*] *Đối với các con // ờ cũng vậy.* [2, tr. 13]\*\*

Ví dụ (9) lại sử dụng thao tác tình lược cùng phép thế đại từ. Các nội dung thông tin đã biết được tinh giản tối đa. Trật tự sắp xếp cùng phép cải biến câu mạnh đã giúp cho nội dung thông báo được khẳng định và nổi bật.

Trong các ví dụ từ (6) đến (9), phần đề (trong chức năng cú pháp: chủ ngữ (VD 6), đề ngữ (VD 7, 9), gia ngữ (VD 8) là phần mang thông tin “mới”, phần thuyết mang nội dung đã biết hoặc đã được khơi gợi từ tiền văn - tức là phần “cho sẵn”.

Như vậy, nếu trật tự thuận (Đề - Thuyết, Cho sẵn - Mới) với đề diễn đạt phần “cho sẵn”, thuyết diễn đạt phần “mới” là kiểu tổ chức thường gặp trong sự diễn đạt giản dị, thuận tiện, dễ tiếp nhận thì kiểu diễn đạt nghịch này lại mang đến một giá trị mới: nội dung thông tin cần truyền đạt được nhấn mạnh. Đặc biệt, khi bên cạnh trật tự Mới - Cho sẵn có sự xuất hiện của các yếu tố tình thái nhấn mạnh hay các phép cải biến câu (tình lược, thế) thì giá trị thông tin càng nổi bật.

### 2.3. Phần “mới” là bộ phận trong thuyết

Mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin trong trường hợp này thể hiện ở sự không trùng về ranh giới giữa các phần thuộc cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin dù theo trật tự thuận hay nghịch. Có nghĩa là sự phân bố giữa phần đề và phần thuyết, phần “cho sẵn” và phần “mới” không tương ứng như (2.1) và (2.2). Phần “mới” của cấu trúc tin chỉ là một phần trong thuyết của cấu trúc đề - thuyết. Ví dụ:

(10) [- Quan quay lại, nhìn ông Cửu bằng đôi mắt dịu dàng của một người có trái tim dễ cảm. Ngài hỏi:

- Anh định tạ tôi bao nhiêu?]

- Lay quan lớn, con // xin khẩn một nén. [5, tr. 159]

Ví dụ trên cho thấy: phần “mới” của CTT không phải là toàn bộ phần thuyết mà chỉ là một bộ phận của nó. “Một nén” là tin “mới” trong khi cả tổ hợp “xin khẩn một nén” là phần thuyết của câu. Cách hiểu trên được

xác định từ câu hỏi của cặp thoại có nội dung hỏi về số lượng (bao nhiêu).

Kiểu quan hệ này còn gặp nhiều trong kiểu câu có đề ngữ mà chủ ngữ là sự lặp lại của đề ngữ và chủ ngữ thuộc phần thuyết. Khi đề ngữ mang nội dung cho sẵn thì chủ ngữ cũng là phần cho sẵn. Bởi vậy, phần còn lại mang thông tin mới sẽ chỉ là một bộ phận trong thuyết. Ví dụ:

(11) [*Mặt hấn có một cái gì khó tả! Khó tả? Đó là một cách nói.*] Tôi // (thì) tôi hiếu ròi. [1, tr. 74]

(12) [*Thai nghĩ đến vợ, đến đứa con nhỏ, đến những buổi tối của những mùa rét trước. Cái ổ rom ấm nóng, mẻ ngô rang thơm ngọt, tiếng trẻ con cười giòn.*] Và người đàn bà, // người đàn bà ấm hơn chăn chiếu. [1, tr. 202]

Khi cấu trúc tin có dạng xen kẽ giữa hai phần tin thì phần “mới” có thể thuộc bất kỳ vị trí nào của cấu trúc đề - thuyết, trong đó có cả một phần của thuyết. Ví dụ:

(13) [*Lí lịch của ông huyện Hinh cũng xấu thật.*] Bởi vì, ngôi huyện nào // ông cũng bị dân kiện. [5, tr. 147]

Ở ví dụ (13), cấu trúc tin có dạng “mới - cho sẵn - mới”. “Ông” là phần cho sẵn thuộc một phần của thuyết còn phần “mới” (gồm: “ngôi ở huyện nào”, “cũng bị dân kiện”) thuộc đề và phần còn lại của thuyết.

(14) [*Rồi đắc chí, nó rút túi.*] Bà ấy // mức cho nó một bát đầy. [5, tr. 37]

(15) [*Nhưng thị chỉ biết rằng người ta cần ăn cơm, mặc áo và uống thuốc khi đau ốm.*] Thị // chỉ có lo cho chồng ba cái ấy. [1, tr. 128]

Cấu trúc tin ở ví dụ (14) có dạng “cho sẵn - mới - cho sẵn - mới”. Nội dung cho sẵn được xác định bằng những từ xưng hô “bà ấy” và “nó”, trong đó “bà ấy” là đề còn “cho nó” thuộc phần thuyết. Phần tin “mới” được diễn đạt bằng “mức” và “một bát đầy” thuộc phần còn lại của thuyết. Tương tự, ở ví dụ (15), những từ xưng hô, chỉ định cho phép xác định “thị” và “ba thứ ấy” là thông tin đã biết. Phần “mới” còn lại thuộc phần thuyết

trong một câu có tổ chức theo kiểu xen kẽ “cho sẵn - mới - cho sẵn”.

#### 2.4. Phần “cho sẵn” là bộ phận trong thuyết

Ngược với trường hợp (2.3), ở trường hợp này, phần “cho sẵn” của cấu trúc tin chỉ là một phần trong thuyết của cấu trúc đề - thuyết. Có nghĩa, phần “mới” là toàn bộ phần đề cùng với một phần của thuyết. Đây cũng là trường hợp không tương ứng giữa các thành tố của CTT và CT Đ-T. Ví dụ:

(16) [*Y tưởng tượng ra, theo những mơ ước ngấm ngấm của lòng y, căn phòng xinh xinh y sẽ ở với San...*] Những bữa điểm tâm, // bồi đem vào tận phòng riêng. [2, tr. 154]

Ở ví dụ trên, phần “cho sẵn” chỉ là bộ phận chỉ vị trí (khi xét về nghĩa) (“phòng riêng”) trong CT Đ-T. Tổ hợp “bồi đem vào tận phòng riêng” là phần thuyết của câu.

(17) [*Trái lại, ông ta còn xử tàn nhẫn với chúng ta, chỉ rình dịp để cướp ruộng của chúng ta.*] Bốn chúng tôi đây, // ba người bị ông ấy lấy ruộng. [6, tr. 174]

Ở ví dụ (17), “bị ông ấy lấy ruộng” là phần “cho sẵn” của cấu trúc tin, trong khi đó cấu trúc nòng cốt của câu “ba người bị ông ấy lấy ruộng” là phần thuyết của cấu trúc đề - thuyết.

(18) [*Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương...*] Chuyên nói to//làm lép cả tiếng gió bắc thổi. [5, tr. 44]

Ở ví dụ (18) “cả tiếng gió bắc thổi” là phần cho sẵn của cấu trúc tin, trong khi đó, “làm lép cả tiếng gió bắc thổi” thuộc phần thuyết của cấu trúc đề - thuyết.

(19) [*Đậu xanh, đậu tương ở trước nhà.*] Lúa nếp, lúa tẻ // sau nhà. [3, tr. 128]

Ở ví dụ (19), “Lúa nếp, lúa tẻ” (chủ ngữ) làm phần đề, “sau nhà” (vị tố + bổ ngữ) làm phần thuyết. Xét về cấu trúc tin, một bộ phận trong phần thuyết - “nhà” - là phần “cho sẵn”.

Cũng gặp trong trường hợp này, phần “mới” chỉ là sự xác nhận lại hay khẳng định một thông tin đã biết. Phần “mới” trong

trường hợp này mang đậm tính tình thái chứ không phải một thông tin đích thực như các trường hợp khác. Ví dụ:

(20) [*Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.*] Mà phú quý// sinh lễ nghĩa thực. [5, tr. 42]

Tuy chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu quan hệ giữa CT Đ-T và CCT nhưng ví dụ trên cho thấy không chỉ các thành phần thuộc CTCP của câu (CT mang nghĩa biểu hiện) mới thể hiện nội dung thông tin mà ngay cả yếu tố tình thái cũng có hàm lượng thông tin nhất định.

#### 2.5. Cấu trúc đề - thuyết trùng với phần “cho sẵn”

Tương tự ví dụ (20), nội dung sự tình trong câu là sự lặp lại hoàn toàn nội dung của một câu đứng trước hoặc đã được nhắc tới trong tiền văn. Điều đó có nghĩa, tính thông tin ở câu đang xét đã được nói đến trong ngữ cảnh. Như vậy, đây là dạng cấu trúc tin chỉ có một phần: phần “cho sẵn”. Trong quan hệ với cấu trúc đề - thuyết, phần “cho sẵn” trùng với cả hai phần “đề” và “thuyết” của CT Đ-T. Tuy không có giá trị thông tin nhưng ở những trường hợp này giá trị tu từ lại rất lớn. Ví dụ:

(21) [*Gió lại mát như quạt hầu.... Mà mấy khi được một nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá!*]. Mát // y như quạt hầu. [1, tr. 58]

Tuy không nhiều, song, sự xuất hiện của kiểu quan hệ này giữa CTĐ-T và CCT là hiện hữu. Đó là một dẫn chứng chứng minh rằng nội dung thông tin không phải là cái duy nhất người nói muốn truyền đạt, đặc biệt trong văn bản nghệ thuật. Nhiều khi người nói muốn hướng tới một giá trị diễn đạt khác với một mục đích giao tiếp khác.

#### 2.6. Cấu trúc đề - thuyết trùng với phần “mới”

Xét từ góc độ thông tin, một cấu trúc tin có thể xuất hiện dưới dạng chỉ có phần “mới”. Kiểu tổ chức này được hình thức hóa bằng những biến thể về cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện trong từng hoàn

cảnh sử dụng cụ thể. Có thể kể đến một số trường hợp sau:

- Khi phát ngôn mở đầu cho một văn bản, thông tin trong câu hoàn toàn mới đối với người nghe, kể cả trường hợp dùng đại từ nhân xưng. Ví dụ:

(22) Hắn // vừa đi vừa chửi. [1, tr. 35] (mở đầu truyện)

(23) Bọn họ // có bốn người. [1, tr. 84] (mở đầu truyện)

(24) Một cơn gió lot vào // làm Sinh tỉnh giấc. [7, tr. 25] (mở đầu truyện)

- Thông tin phát ngôn biểu thị chưa được nói đến trong tiền văn dù câu đang xét đứng ở vị trí nào trong đoạn văn, trong văn bản. Nó có tác dụng mở đầu cho một sự kiện hoặc một tình huống. Ví dụ:

(25) [...Và chắc có lẽ vì vội hoặc quá hăng hái, có nhiều bàn chân đã mở thêm ra nhiều lối đi khác ở hai bên. Những bụi dừa non bị đổ ngã rạp.] Những phiến đá // bị giẫm lì. [3, tr. 303]

(26) [Nhưng thời tiết có ảnh hưởng đến người ta rất lạ lùng... Khí nóng nặng nề của mùa hạ đã tan rồi. Cái rét sắc như dao của mùa đông chưa tới.] Trời // xanh ngắt. [1, tr. 145]

(27) [Chập choạng tối thì chúng tôi đến làng Mai.] Đường // vắng ngắt. [1, tr. 178]

(28) [Trời xanh ngắt. Vùng đông đã đỏ ửng, nhưng ánh nắng chưa lảng đến sân.] Gió hiu hiu // làm xào xạc bụi tre, bỏ rơi những chiếc lá khô bay tơi tả. [6, tr. 10]

- Khi câu có vị tổ là danh từ với cấu trúc đơn giản. Dạng câu này thường biểu hiện sự xuất hiện của một sự vật hay hành động, tính chất (có ý nghĩa gần với câu tồn tại). Ví dụ:

(29) [Một thằng mũ nồi đen, áo len xám chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi.] Thằng Ngừ // con anh Hoàng. [2, tr. 418]

- Khi cấu trúc câu có dạng “đặc biệt” như kiểu câu tồn tại khái quát.

Ví dụ:

(30) [Cô há hốc nhìn. Chàng. Kịp thoáng thấy gương mặt chàng rồi biến mất.] Có // tiếng chân xuống cầu thang. [4, tr. 92]

(31) [Chập choạng tối thì chúng tôi đến làng Mai. Đường vắng ngắt. Có một vẻ gì lạnh lẽo đến làm người ta rờn rợn như khi áp lưỡi dao cạo sắc lên trên gáy.] Văng vẳng // những tiếng khóc bay theo gió chiều. [1, tr. 178]

(32) [Ông bước ra.] Chỉ có // trăng và gió biển. [4, tr. 6]

(33) [Bởi làm người đàn anh bên họ đạo, không quá nặng nề, tốn kém như làm ông lý, ông phó bên dân lương, nên đến già nửa người trong họ là quan viên.] Chỉ còn // hơn vài chục trai em. [1, tr. 248]

## 2.7. Các trường hợp khác

Ngoài những trường hợp trên, khi cấu trúc đề - thuyết bị tỉnh lược phần đề hoặc phần thuyết thì cấu trúc tin chỉ có phần “mới”. Điều đó cho thấy, tính thông tin vô cùng quan trọng đối với việc sử dụng câu nói trong giao tiếp và phần có thể tỉnh lược là phần “cho sẵn” còn phần “mới” luôn tồn tại. Ví dụ:

(34) [Cái lúc hắn tưởng là hắn chết thì lại chính là lúc hắn bắt đầu lên lưng.] Ø // Do cái trâu. [1, tr. 226]

(35) [Nó quay ra. Hy vọng vút chốc biến mất. Nó suýt ngã.] Ø // Bất tỉnh. [5, tr. 96]

(36) [Dì Hảo ngạc nhiên.] Rồi Ø // tức tối. [1, tr. 413]

Ví dụ (34), (35) chỉ có phần thuyết, đồng thời cũng chỉ xuất hiện phần “mới” của CTT. Riêng ví dụ (36) có thêm đề văn bản, song, phần “mới” của CTT cũng chính là phần thuyết của CT Đ-T.

(37) [Nghĩa về đến cửa.] Cả bà Xuất với Ngải và Đề Cut // Ø. (Dẫn theo [8, tr. 210])

Ví dụ (37) có thêm đề văn bản, phần thuyết bị tỉnh lược. Phần đề - đề tài trùng với phần “mới”.

Ngay cả khi những phát ngôn không phân xuất được 2 phần của cấu trúc đề - thuyết (DQB gọi những phát ngôn này là câu thứ,

không có cấu trúc đề - thuyết) thì cấu trúc tin vẫn hiển hiện và thường chỉ có phần “mới”. Ví dụ:

(38) [*Những hạt cát từ quần áo tắm trong kỳ nghỉ hè cuối cùng của họ.*] Mùi muối. Hương vị gió biển. [4, tr. 124]

(39) [*Hung nhìn số báo nhiệt độ trong xe.*] 26 độ C. [4, tr. 115]

(40) Mưa phùn. Gió bắc. [*Rét buốt thấu tận xương.*] [5, tr. 44]

### 3. Kết luận

Mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin được thể hiện qua mối quan hệ giữa các thành tố trong cấu trúc. Cấu trúc đề - thuyết có thể được tổ chức tương ứng với cấu trúc tin theo kiểu: phần đề trùng với phần “cho sẵn”, phần thuyết với phần “mới” hoặc ngược lại - phần đề với phần “mới”, phần thuyết với phần “cho sẵn”; cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin được tổ chức không tương ứng giữa các thành phần; cấu trúc đề - thuyết là phần “mới” hoặc phần “cho sẵn” của cấu trúc tin.

Mối quan hệ đa dạng giữa cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc tin do chính sự tổ chức thông tin quy định. Nói cách khác, chính sự phong phú, linh hoạt của cấu trúc tin quyết định mối quan hệ đa dạng giữa hai loại cấu trúc này.

\* Trong các ví dụ, kí hiệu “//” phân giới đề - thuyết với trật tự đề trước, thuyết sau; phần “mới” (thuộc CTT) in đậm.

\*\* Kí hiệu Ø biểu thị sự thiếu khuyết một chức năng nào đó.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Hồng Cồn (2001), *Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 5, tr. 43-53.
3. Nguyễn Hồng Cồn (2005), *Tiêu điểm tương phản trong câu tiếng Việt*, Hội thảo

quốc tế ngôn ngữ học liên Á lần thứ VI, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 59-68.

4. Nguyễn Hồng Cồn (2010), *Cấu trúc thông tin và biến thể cú pháp của câu tiếng Việt*, Ngôn ngữ & đời sống, số 4, tr.1-6.

5. Nguyễn Hồng Cồn (2010), *Các kiểu cấu trúc thông tin của câu đơn tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 11, tr. 26-32.

6. M.A.K Haliiday (2005), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

7. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội (In lại).

8. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2007), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, (Sách dành cho các trường Cao đẳng Sư phạm), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. Bùi Minh Toán (2012), *Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### DẪN LIỆU

1. Nam Cao, *Tuyển tập Nam Cao*, tập 1, Nxb Văn học. 2005.
2. Nam Cao, *Tuyển tập Nam Cao*, tập 2, Nxb Văn học, 2005.
3. Nguyễn Minh Châu, *Nguyễn Minh Châu tác phẩm chọn lọc*, (Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường), Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009.
4. Nguyễn Thị Kim Cúc (tuyển chọn & giới thiệu), *Truyện ngắn hay báo Thanh niên 2008*, Nxb Văn nghệ, 2009.
5. Nguyễn Công Hoan, *Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, Nxb Văn học, 2009.
6. Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, Nxb Hội nhà văn, 1997.
7. Thạch Lam, *Thạch Lam tác phẩm chọn lọc*, (Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường), Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-06-2013)